

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/DS-PT

Ngày 29-4-2022

V/v tranh chấp dân sự chia
tài sản chung và thừa kế
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLPT-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về dân sự chia tài sản chung và thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Số, ấp Tân P, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số, ấp Tân P, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số, ấp Tân P, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị H1 (Bé B), sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số, đường Lê Văn Đ, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Nguyễn Tuấn A (Nguyễn Thị Tuấn A), sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp Tân P, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số, đường, khóm, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cư trú: Số, đường Nguyễn Thượng H, phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Nguyễn Thị Bé U (Kim L), sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp Tân A, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

5. Anh Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xã Tân Hội C, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Tuấn A, chị Nguyễn Thị Bé U, anh Nguyễn Duy Kh: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2016, ngày 07/12/2016 và ngày 08/5/2018);

Địa chỉ cư trú: Số, đường Nguyễn Thượng H, phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Chị Nguyễn Thị Cát L, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số, ấp Tân P, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

7. Chị Lê Thị Th, sinh năm 1985;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Th: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1977 (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2018);

8. Nguyễn Hải Y, sinh năm 2007;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Hải Y: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1977 (*cha ruột cháu Y*);

Cùng địa chỉ: Số, ấp Tân P, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

9. Ủy ban nhân dân huyện Thanh B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn N, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện hợp pháp: ông Mai Văn Đ, chức vụ Phó Chủ tịch. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 03/8/2020.

Địa chỉ: Quốc lộ, khóm Tân Đ, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

10. Ủy ban nhân dân xã Tân H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn T, Chức vụ: Chủ tịch;

Địa chỉ: Ấp Tân P, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị H1 (Bé B), anh Nguyễn Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/KNPT-VKS-DS ngày 05/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình.

Ông Đ, chị H, chị H1, anh T có mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Thanh H, Cát L, Ủy ban nhân dân huyện có đơn xin xét xử vắng mặt. Ủy ban nhân dân xã vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Đỗ Văn L1, chết 1950, để lại cho cụ Nguyễn Văn Ng và cụ Đỗ Thị M (M) với diện tích là 4.465m², loại đất lúa và đất thổ.

Năm 1991, cụ M chết để lại diện tích là 4.465m² cho con nuôi là bà Nguyễn Thị Qu. Năm 1965 ông Đ chung sống với bà Qu đến năm 1975 ông Đ và bà Qu có xây dựng 01 căn nhà cho cụ M (vợ chồng ông ở chung với cụ M). Năm 1985 tiếp tục xây dựng 01 căn nhà (hiện Tâm đang quản lý). Đối với căn nhà của bà M, năm 1991 cụ M chết, con của ông là Nguyễn Thanh H1 (H1 Anh chồng H) quản lý sử dụng.

Năm 1995 bà Qu chết, đến năm 1998 anh Nguyễn Thanh H1, (H1 Anh là con ông Đ, là chồng chị H), tự ý đi kê khai, đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/4/1998, diện tích 4.465m².

Năm 2001, UBND huyện Thanh B đã thu hồi đất do anh H1 đứng tên, thửa 231 diện tích còn lại là 345m² và thửa 1244 diện tích còn lại là 77,2m² để quy hoạch cụm dân cư xã Tân Huê, huyện Thanh Bình. Khi thu hồi, UBND huyện Thanh Bình bồi thường số tiền 96.000.000 đồng, anh H1 và chị Nguyễn Thị Ngọc H nhận tiền. Khi thu hồi, UBND huyện Thanh Bình bố trí cho gia đình anh H1 một nền tái định cư tại nền số 27, lô H, diện tích 90m². Đối với nền tái định cư nêu trên, hiện nay UBND xã Tân Huê đang quản lý và chưa cấp cho ai vì đất đang tranh chấp.

Đối với diện tích 345m², một phần thửa 231 thì anh H1, chị H đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn N1 với giá là 20.000.000 đồng.

Năm 2005, anh H1 chết chị H là người quản lý và sử dụng tài sản gồm: Căn nhà cấp 4 có kết cấu khung bê tông, cốt thép, mái lợp tole, nền lát gạch bông, được xây dựng trên diện tích là 93,1m², thuộc một phần thửa số 1251;

diện tích 102,3m² thuộc một phần thửa số 1251 và diện tích 77,2m² thửa 1244.

Nguyễn Duy T là con của ông Đ quản lý căn nhà cấp 4, kết cấu khung bê tông cốt thép, mái lợp tol, nền lót gạch, diện tích nhà là 84,6m², thuộc một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 03, đất ở nông thôn.

Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật cụ thể như sau:

- Ông Đ yêu cầu chị H trả số tiền Nhà nước bồi thường và tiền chuyển nhượng đất là 116.000.000 đồng. Chị H và Cát L trả cho ông Đ căn nhà cấp 4, diện tích 93,1m²; diện tích 102,3m² và diện tích đất 77,2m².

- Ông Đ thống nhất giao cho anh T được quyền sử hữu căn nhà cấp 4, cùng diện tích đất 84,6m².

- Ông Đ yêu cầu được hưởng một nền tái định cư tại nền số 27, lô H, diện tích 90m², hiện nay do UBND xã Tân Huê đang quản lý.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Thống nhất về nguồn gốc đất như ông Đ trình bày. Đối với số tiền 96.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng thì anh H1 là người trực tiếp nhận và sử dụng số tiền nêu trên vào nhiều mục đích khác nhau như trị bệnh, chi tiêu sinh hoạt gia đình ... đến nay không còn.

Trong quá trình chung sống anh H1 và chị H có sửa chữa căn nhà của cụ M nhiều lần hiện nhà kết cấu khung bê tông, cốt thép, mái lợp tole, nền lót gạch bông chi phí sửa chữa là 92.377.000 đồng và đồng thời san lấp, lót gạch tàu sử dụng phần đất diện tích đất 102,3m² thửa 1251; diện tích 77,2m² thửa số 1244, tổng chi phí là 86.300.000 đồng. Năm 2005, anh H1 chết, chị H là người quản lý, sử dụng căn nhà và đất trên.

Đối với chi phí sửa chữa căn nhà với số tiền 92.377.000 đồng và chi phí san lấp và lát gạch với số tiền 86.300.000 đồng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, Tòa án giải quyết chia thừa kế thì chị H sẽ khởi kiện thành vụ án khác để yêu cầu những người được hưởng thừa kế trả cho chị H các khoản chi phí nêu trên.

Chị H có ý kiến yêu cầu như sau:

- Chị H không đồng ý trả cho ông Đ số tiền 116.000.000 đồng.

- Chị H yêu cầu được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 93,1m², được quyền sử dụng diện tích 102,3m²; diện tích 77,2m² và được quyền sử dụng nền tái định cư diện tích 90m².

Bị đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:

Đối với số tiền Nhà nước bồi thường là 96.000.000 đồng và tiền chuyển

nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn N1 là 20.000.000 đồng, anh T không yêu cầu, vì hiện nay không còn, do anh H1 nhận và sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau đã hết.

Anh T yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của bà Qu để lại như sau:

- Anh T thống nhất giao chị H, Cát L thừa hưởng căn nhà cấp 4 cùng diện tích 93,1m², yêu cầu chị H trả giá trị chênh lệch cho những người được hưởng di sản thừa kế.

- Anh T yêu cầu được quyền sở hữu căn nhà diện tích 84,6m², được quyền sử dụng diện tích 102,3m²; diện tích 77,2m² và được quyền sử dụng nền tái định cư diện tích 90m². Anh T thống nhất sẽ trả giá trị chênh lệch tài sản cho những người thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H1 (Bé B), anh Nguyễn Thanh H (H Em) trình bày:

Chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh H thống nhất về nguồn gốc đất, thời gian chết của các cụ và hàng thừa kế của bà Qu gồm: Ông Nguyễn Văn Đ (chồng bà Qu), chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Thanh H1 (H1 Anh, chồng chị H), anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Thanh H (H Em), chị Nguyễn Thị Bé U, anh Nguyễn Duy Kh, di sản để lại gồm:

- Căn nhà cấp 4 có kết cấu khung bê tông, cốt thép, mái lợp tole, nền lót gạch bông, do chị Nguyễn Thị Ngọc H quản lý.

- Căn nhà cấp 4, kết cấu khung bê tông cốt thép, mái lợp tole, nền lót gạch, do anh Nguyễn Duy T quản lý.

- Tiền Nhà nước bồi thường là 120.000.000 đồng.

- Tiền chuyển nhượng đất cho ông N1 là 20.000.000 đồng.

- Diện tích 280m², thửa số 1251, tờ bản đồ số 03, đất ở nông thôn, đất tọa lạc tại xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, do anh Nguyễn Thanh H1 đứng tên.

- Diện tích 142m² (đo đạc thực tế là 77,2m²), thửa số 1244, đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, do anh Nguyễn Thanh H1 đứng tên.

- Nền tái định cư tại nền số 27, lô H, diện tích 90m², hiện nay do UBND xã Tân Huê đang quản lý.

Nay chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh H yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của bà Qu để lại như sau:

- Đồng ý để chị Nguyễn Thị Ngọc H hưởng căn nhà cấp 4 có kết cấu khung bê tông, cốt thép, mái lợp tole, nền lót gạch bông được xây dựng trên diện tích 93,1m², một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ

bản đồ số 77) đất tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc 1, 14, 12, 11, 10, 13 và 1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình, yêu cầu chị H trả giá trị chênh lệch cho những người được hưởng di sản thừa kế.

- Đồng ý để anh Nguyễn Duy T được hưởng diện tích 102,3m², một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77) đất tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc 12, 2, 5, 6, 7, 9, 10, 11 và 12 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình, yêu cầu anh T trả giá trị chênh lệch cho những người được hưởng di sản thừa kế.

- Đồng ý để anh Nguyễn Duy T được hưởng diện tích 77,2m², một phần thửa số 1244, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77) đất tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc 2, 3, 4, 5 và 2 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình, yêu cầu anh T trả giá trị chênh lệch cho những người được hưởng di sản thừa kế.

- Đồng ý để anh Nguyễn Duy T được hưởng căn nhà cấp 4, kết cấu khung bê tông cốt thép, mái lợp tole, nền lót gạch được xây dựng trên diện tích 84,6m², một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77) đất tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc 1, 14, 12, 11, 10, 13 và 1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình, yêu cầu anh T trả giá trị chênh lệch cho những người được hưởng di sản thừa kế.

- Đồng ý để anh Nguyễn Duy T được hưởng một nền tái định cư tại nền số 27, lô H, diện tích 90m², hiện nay do UBND xã Tân Huê đang quản lý, yêu cầu anh T trả giá trị chênh lệch cho những người được hưởng di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Tuấn A (Nguyễn Thị Tuấn A), chị Nguyễn Thị Bé U (Kim L), anh Nguyễn Duy Kh, người đại diện hợp pháp của chị Tuấn A, chị Bé U, anh Kh là anh Nguyễn Thanh H trình bày: Chị Tuấn A, chị Bé U, anh Kh thống nhất với lời trình bày của anh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Cát L, người đại diện hợp pháp của Cát L là chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Cát L thống nhất với lời trình bày của chị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Th, cháu Nguyễn Hải Y, người đại diện hợp pháp của chị Th và cháu Y là anh Nguyễn Duy T trình bày: Chị Th và cháu Y thống nhất với lời trình bày của anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Thanh B trình bày: Năm 1998, UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Nguyễn Thanh H1. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì những người được quyền sử dụng đất trong hộ anh Nguyễn Thanh H1 gồm: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Tuấn A, Nguyễn Thanh H (đã chết năm 2005, chồng chị H), Nguyễn Duy T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Bé U và Nguyễn Duy Kh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Tân H, huyện Thanh Bình trình bày: Nhà nước có thu hồi một phần quyền sử dụng đất của hộ anh Nguyễn Thanh H1 và trong phương án đền bù thì hộ anh H1 được nhận một nền tái định cư thuộc lô H nền số 27, diện tích 90m². Do anh H1 đã chết và gia đình phát sinh tranh chấp nên chưa ra Quyết định giao nền, hiện nay, UBND xã Tân H đang quản lý. Khi Tòa án giải quyết giao nền tái định cư cho ai thì UBND xã Tân H sẽ lập hồ sơ cấp nền cho người đó.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Thanh H (H Em), chị Nguyễn Thị Bé U, anh Nguyễn Duy Kh.

- Ông Nguyễn Văn Đ được hưởng một nền tái định cư tại nền số 27, lô H, diện tích 90m², tọa lạc tại cụm dân cư xã Tân Huê, huyện Thanh Bình.

Buộc ông Đ phải trả cho chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Tuấn A (Nguyễn Thị Tuấn A), Nguyễn Thị Cát L là người thừa kế thế vị của anh H (H Anh), anh Nguyễn Thanh H (H Em), chị Nguyễn Thị Bé U, anh Nguyễn Duy Kh mỗi người số tiền là 762.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H được hưởng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích 93,1m², thuộc một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77) đất tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc 1, 14, 12, 11, 10, 13 và 1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H được hưởng diện tích 102,3m², thuộc một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77) đất tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc 12, 2, 5, 6, 7, 9, 10, 11 và 12 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H được hưởng diện tích 77,2m², thửa số 1244, tờ

bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77) đất tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc 2, 3, 4, 5 và 2 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Tuấn A, Nguyễn Thị Cát L là người thừa kế thế vị của anh H (H Anh), anh Nguyễn Thanh H (H Em), chị Nguyễn Thị Bé U, anh Nguyễn Duy Kh mỗi người số tiền là 26.220.000 đồng (Hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Duy T được hưởng Căn nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất 84,6m², một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77) đất tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc 1, 14, 12, 11, 10, 13 và 1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

Buộc anh T có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền là 24.276.000 đồng và anh T phải trả cho chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Tuấn A (Nguyễn Thị Tuấn A), Nguyễn Thị Cát L là người thừa kế thế vị của anh H1 (H1 Anh), anh Nguyễn Thanh H (H Em), chị Nguyễn Thị Bé U, anh Nguyễn Duy Kh mỗi người số tiền là 4.448.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng diện tích 4.465m², đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Nguyễn Thanh H1 vào ngày 20/4/1998, để cấp quyền sử dụng đất lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Duy T.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Tân H lập hồ sơ cấp cho ông Nguyễn Văn Đ nền tái định cư tại lô H, nền số 27, diện tích 90m², tọa lạc tại cụm dân cư xã Tân H, huyện Thanh B.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Duy T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2018, Biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2018, Biên bản định giá tài sản ngày 16/7/2019 và Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc H trả cho ông Đ số tiền Nhà nước bồi thường là 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng) và số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng là

20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 008816 ngày 17/5/2010; số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/000383 ngày 14/01/2011; số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BM/2012/028423 ngày 18/01/2016 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BN/2013/14228 ngày 31/5/2017.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.571.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BN/2013/14232 ngày 06/6/2017. Như vậy chị H còn phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 1.271.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.571.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006890 ngày 08/6/2012. Như vậy, chị H còn phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 714.000 đồng (Bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Tuấn A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.571.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 857.000 đồng ((Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006888 ngày 08/6/2012. Như vậy, chị Tuấn A còn phải nộp thêm số tiền 714.000 đồng (Bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Cát L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.571.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Duy T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.571.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006892 ngày 08/6/2012. Như vậy, anh T còn phải nộp thêm số tiền 714.000 đồng (Bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Thanh H (H Em) phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là

1.571.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006889 ngày 08/6/2012. Như vậy, anh H (H Em) còn phải nộp thêm số tiền 714.000 đồng (Bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Bé U phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.571.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006891 ngày 08/6/2012. Như vậy, chị Bé U còn phải nộp thêm số tiền 714.000 đồng (Bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Duy Kh phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.571.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006887 ngày 08/6/2012. Như vậy, anh Kh còn phải nộp thêm số tiền 714.000 đồng (Bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

* Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/10/2016 là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) do chị Nguyễn Thị Ngọc H nộp tạm ứng và chi xong; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 13/7/2018 là 600.000 đồng, chi phí định giá tài sản ngày 16/7/2019 là 400.000 đồng, Hợp đồng đo đạc là 2.526.000 đồng, tổng cộng là 3.526.000 đồng (Ba triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng) do ông Nguyễn Văn Đ nộp tạm ứng và chi xong. Như vậy, mỗi người được hưởng 1 kỷ phần thừa kế phải chịu số tiền 436.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho ông Đ số tiền 36.000 đồng (Ba mươi sáu nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Tuấn A, chị Nguyễn Thị Cát L, anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Thanh H (H Em), chị Nguyễn Thị Bé U, anh Nguyễn Duy Kh mỗi người phải trả cho ông Đ số tiền 436.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình kháng nghị, đề nghị xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền nhà nước bồi hoàn và tiền chuyển nhượng đất 116.000.000 đồng. Giao cho anh T được quyền sử dụng

diện tích đất 102,3m² thửa 1251; Diện tích 77,2m² thửa 1244. Tòa án cấp sơ thẩm cho chị H được hưởng một suất thừa kế (công gìn giữ là chưa đúng).

- Ngày 05 tháng 3 năm 2020, ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị H1 (Bé B), anh Nguyễn Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo kháng cáo toàn bộ Bản án sơ dân sự thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ. Chấp nhận kháng cáo chị H1, anh H. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cụ Nguyễn Văn Ngh và cụ Đỗ Thị M (M chết năm 1991) chung sống với nhau không có con chung có 01 người con nuôi là bà Nguyễn Thị Qu. Cụ Ngh và cụ M chết không để lại di chúc. Tài sản để lại diện tích là 4.465m² đất và 01 căn nhà cấp 4 cho con là bà Qu. Theo ông Đ năm 1965 ông Đ chung sống với bà Qu, đến năm 1975 ông Đ và bà Qu có xây dựng 01 căn nhà cho cụ M (vợ chồng ông ở chung với cụ M). Năm 1985 tiếp tục xây dựng 01 căn nhà (hiện T đang quản lý). Năm 1991 cụ M chết, nên bà Qu là người thừa kế toàn bộ diện tích đất 4.465m² và căn nhà của cụ M. Trong quá trình bà Qu và ông Đ chung sống cũng không văn bản nào xác định diện tích 4.465m² là tài sản riêng của bà Qu, nên phần đất 4.465m² là tài sản chung của bà Qu và ông Đ.

[2] Đối với căn nhà của cụ M, sau khi cụ M chết, vợ chồng anh Nguyễn Thanh H1 (H1 Anh) và chị Nguyễn Thị Ngọc H là con của ông Đ và bà Qu quản lý, sử dụng.

[3] Năm 1995 bà Qu chết, đến năm 1998 anh Nguyễn Thanh H1, (H1 Anh), tự ý đi kê khai, đăng ký, không có sự thống nhất của các đồng thừa kế của bà Qu và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/4/1998, diện tích 4.465m² là chưa đúng quy định của pháp luật.

[4] Năm 2001, UBND huyện Thanh Bình đã thu hồi đất do anh Nguyễn Thanh H1 đứng tên, để quy hoạch cụm dân cư xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, thửa 231 diện tích còn lại là 345m²; thửa 1244 diện tích còn lại là 77,2m²; thửa 1251, diện tích 280m². Khi thu hồi, UBND huyện Thanh Bình bồi thường số tiền 96.000.000 đồng, anh H1 (H1 Anh) và chị Nguyễn Thị Ngọc H nhận tiền và bố trí cho gia đình anh H1 (H1 Anh) một nền tái định cư tại nền số 27, lô H, diện tích 90m². Đối với nền tái định cư nêu trên, hiện nay UBND xã Tân Huê đang quản lý và chưa cấp cho ai vì đất đang tranh chấp. Phần đất 345m², anh H1 chuyển nhượng cho ông Lê Văn N1 giá 20.000.000 đồng.

[5] Về số tiền 116.000.000 đồng (trong đó 96.000.000 đồng là tiền nhà nước bồi thường khi thu hồi đất và 20.000.000 đồng anh H1 (H1 Anh) chuyển nhượng đất cho ông N1), chị H thừa nhận anh H1 (H1 Anh) và chị H nhận, nhưng chị H cho rằng số tiền 116.000.000 đồng dùng để trị bệnh cho anh H1 (H1 Anh), tiền xây mộ, đưa tiền ông Đ đi cưới vợ... Ông Đ và những người liên quan không thừa nhận, nhưng chị H không có chứng cứ chứng minh, nên số tiền 116.000.000 đồng là tài sản chung của bà Qu và ông Đ. Anh H1 (H1 Anh) chết, chị H và Cát L là người thừa kế của anh H1 (H1 Anh) phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Đ và những người thừa kế của bà Qu.

[6] Về căn nhà của cụ M, hiện chị H, Cát L đang quản lý. Án sơ thẩm xử xác định cụ M chết để lại cho bà Qu, nên đây là di sản của bà Qu và chia thừa kế đối với căn nhà, chị H và Cát L không có kháng cáo. Tuy nhiên, do ông Đ kháng cáo yêu cầu chia số tiền 116.000.000 đồng, nên cũng cần xem xét lại căn nhà chị H, Cát L đang quản lý mới đảm bảo quyền lợi của chị H và Cát L. Tại phiên tòa phúc thẩm, các con của ông Đ (những người thừa kế của bà Qu) đều xác định trong quá trình quản lý sử dụng nhà, vợ chồng chị H nhiều lần sửa chữa và sửa chữa lại gần như toàn bộ, nên xác định căn nhà là tài sản riêng của anh H1 Anh và chị H., không còn là di sản của bà Qu, để chia thừa kế.

[7] Như vậy, xác định phần tài sản chung của bà Qu và ông Đ gồm:

- Phần đất chị H và Cát L đang quản lý:
 - + Diện tích đất 195,4m² thửa 1251.
 - + Diện tích 77,2m² thửa 1244.
 - + Tiền nhà nước bồi hoàn, tiền chuyển nhượng đất: 116.000.000 đồng.
- Phần đất và nhà anh Nguyễn Duy T đang quản lý:
 - + Diện tích đất 84,6m², thửa 1251.
 - + 01 căn nhà cấp 4.
- Và nền tái định cư.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử giải thích thẩm định giá nhưng các đương sự không có yêu cầu thẩm định lại giá tài sản tranh chấp, mà thống nhất theo biên bản định giá ngày 10/7/2018.

[9] Theo biên bản định giá ngày 10/7/2018 thì:

- Phần đất chị H và Cát L đang quản lý:

+ Diện tích đất $195,4\text{m}^2 \times 400.000\text{đ}/\text{m}^2 = 78.160.000$ đồng.

+ Diện tích $77,2\text{m}^2 \times 100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 7.720.000$ đồng.

+ Tiền nhà nước bồi hoàn, tiền chuyển nhượng đất: 116.000.000 đồng.

- Phần đất và nhà anh T đang quản lý:

+ Diện tích đất $84,6\text{m}^2 \times 400.000\text{đ}/\text{m}^2 = 33.840.000$ đồng.

+ Căn nhà anh T đang quản lý trị giá 48.552.000 đồng.

* Tổng cộng tài sản chung của bà Qu và ông Đ: 284.272.000 đồng và nền tái định cư trị giá 36.000.000 đồng.

[10] Bà Qu và ông Đ chung sống với nhau có tất cả 07 người con gồm: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thanh H1 (H1 Anh, chồng chị H), Nguyễn Duy T, Nguyễn Thanh H (H Em), Nguyễn Thị Bé U và Nguyễn Duy Kh. Phần tài sản chung của bà Qu và ông Đ thì mỗi người được hưởng 50%, do bà Qu chết không để lại di chúc, nên phần di sản của bà Qu là 50% tài sản chung sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của bà Qu mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ yêu cầu được hưởng 50% tài sản chung của ông và bà Qu, phần tài sản của bà Qu là 50%, ông Đ yêu cầu chia 08 cho ông Đ và mỗi người được hưởng 01 phần cụ thể: Ông Đ yêu cầu được hưởng nền tái định cư; thống nhất giao cho chị H, Cát L được quyền sở hữu diện tích $93,1\text{m}^2$, cùng căn nhà; thống nhất giao cho anh T được sở hữu căn nhà hiện anh T đang quản lý cùng với diện tích đất $84,6\text{m}^2$ và thống nhất giao cho anh T được quyền sử dụng thửa 1251 diện tích $102,3\text{m}^2$; thửa 1244 diện tích $77,2\text{m}^2$. Chị H, Cát L, anh T có nghĩa vụ trả giá trị tài sản cho các đồng thừa kế. Chị H1, anh H Em thống nhất theo yêu cầu, ý kiến của ông Đ.

[12] Xét thấy, về phía ông Đ hiện nay không có đất để xây dựng nhà ở, nên ông Đ yêu cầu được hưởng nền tái định cư là phù hợp; về phía chị H, Cát L hưởng diện tích đất $93,1\text{m}^2$, một phần thửa 1251, tại căn nhà của chị H, Cát L đang quản lý; anh T được phần đất có diện tích $84,6\text{m}^2$, thuộc một phần thửa 1251 và căn nhà cấp 4. Chị H1, anh H Em, chị Tuấn A, chị Bé U và anh Kh được hưởng phần đất một phần thửa 1251, diện tích $102,3\text{m}^2$; thửa 1244 diện tích $77,2\text{m}^2$, nhưng thống nhất giao cho anh Tâm được quyền sử dụng. Chị H,

Cát L, anh T có nghĩa trả giá trị tài sản cho các đồng thừa kế là phù hợp.

[13] Về nền nhà tái định cư UBND xã đang quản lý, chưa có quyết định giao cho ai sử dụng, người sử dụng phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định, theo biên bản định giá nền tái định cư là 36.000.000 đồng. Án sơ thẩm xác định nền tái định cư là di sản của bà Qu không phải là tài sản chung là chưa phù hợp và đồng thời chia thừa kế giao cho ông Đ được quyền sử dụng nền tái định cư nhưng ông Đ không có kháng cáo, nên cần buộc ông Đ trả giá trị cho những người thừa kế.

[14] Theo đó phần tài sản chung của bà Qu và ông Đ được chia như sau:

- Phần tài sản chung của bà Qu và ông Đ mỗi người được hưởng 50% là 142.136.000 đồng ($284.272.000 \text{ đồng} : 2 = 142.136.000 \text{ đồng}$).

- Phần di sản của bà Qu được chia thừa kế cho ông Đ và 7 người con mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau:

$142.136.000 \text{ đồng} : 8 = 17.767.000 \text{ đồng}$.

- Phần nền tái định cư trị giá: $36.000.000 \text{ đồng} : 8 = 4.500.000 \text{ đồng}$

[15] Như vậy, phần tài sản giao cho ông Đ, chị H (Cát L), anh T được hưởng thực thừa kế trị giá như sau:

- Chị H, Cát L: 153.240.000 đ

[Đất thửa 1251: $(93,1\text{m}^2 \times 400.000\text{đ}/\text{m}^2) = 37.240.000\text{đ} + 116.000.000\text{đ} = 153.240.000 \text{ đ}$].

- Anh T: 131.032.000 đồng

+ Đất $(102,3\text{m}^2 + 84,6\text{m}^2) = 186,9\text{m}^2 \times 400.000\text{đ}/\text{m}^2 = 74.760.000 \text{ đ}$.

+ Đất thửa 1244: $77,2\text{m}^2 \times 100.000\text{đ}/\text{m}^2 = 7.720.000 \text{ đ}$.

+ Nhà: 48.552.000 đ.

Cộng: 131.032.000 đồng.

- Ông Đ: 36.000.000 đồng.

[16] Sau khi cân trừ phần tài sản mà ông Đ, chị H, Cát L, anh T, được hưởng và phần tài sản ông Đ, chị H (Cát L), anh T có nghĩa vụ trả giá trị cho các đồng thừa kế thì chị H (Cát L), anh T và ông Đ còn phải trả giá trị tài sản như sau:

- Chị H (Cát L) trả giá trị tài sản cho ông Đ: 81.697.500 đồng.

- Chị H trả giá trị tài sản cho chị H, anh H Em, chị Tuấn A, chị Bé U, anh Duy Kh mỗi người 9.577.500 đồng và trả giá trị tài sản cho anh T 1.388.000 đồng.

- Anh T trả giá trị tài sản cho ông Đ: 69.205.500 đồng.

- Anh T trả giá trị cho chị H1, anh H Em, chị Tuấn A, chị Bé U, anh Duy Kh mỗi người mỗi người 8.189.500 đồng.

- Ông Đ trả giá trị tài sản cho chị H1, anh H Em, chị Tuấn A, chị Bé U, anh

Duy Kh mỗi người mỗi người 4.500.000 đồng.

[17] Án sơ thẩm xử xác định phần đất, nhà chị H, Cát L đang quản lý là di sản của bà Qu và số tiền 116.000.000 đồng không phải di sản của bà Qu là chưa phù hợp. Đồng thời chia di sản thừa kế thành 09 kỷ phần và giao cho chị H, Cát L được hưởng 01 kỷ phần công gìn giữ là chưa phù hợp, bởi vì chị H, Cát L được hưởng 01 kỷ phần thừa kế là phần đất tại căn nhà chị H, Cát L đang quản lý, còn phần đất anh H1 (H1 Anh) và chị H san lấp, lót gạch tàu, chị H không có tranh chấp yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[18] Về án phí ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào khoản 1, Điều 12; khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn tiền án phí cho ông Đ.

Với những phân tích trên, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ có căn cứ một phần, kháng cáo chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh H (H Em) và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình là có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh H (H Em) và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh H (H Em) và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do kháng cáo của ông Đ, chị H1, anh H được chấp nhận, nên ông Đ, chị H1, anh H Em không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ.

Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Thanh H (H Em).

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 21/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.
- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Thanh H (H Em), chị Nguyễn Thị Bé U, anh Nguyễn Duy Kh.

1. Ông Nguyễn Văn Đ được hưởng một nền tái định cư tại nền số 27, lô H, diện tích 90m², tọa lạc tại cụm dân cư xã Tân Huê, huyện Thanh Bình.

2. Chị Nguyễn Thị Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Cát L được hưởng thừa kế diện tích 93,1m², thuộc một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77), tại vị trí các mốc 1- 14- 12- 11- 10- 13-1 và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 hiện Chị H, Cát L đang quản lý, đất tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Nguyễn Duy T được thừa kế căn nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất 84,6m², một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77) vị trí tại các mốc 13-10-9-15-8-13; diện tích 102,3m², thuộc một phần thửa số 1251, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77) vị trí tại các mốc 12- 2- 5- 6- 7- 9- 10- 11- 12 và diện tích 77,2m², thửa số 1244, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 6, tờ bản đồ số 77), tại vị trí các mốc 2, 3, 4, 5 – 2, đất tại ấp Tân Phong, xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các mốc trên được thể hiện theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2018, Biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2018, Biên bản định giá tài sản ngày 16/7/2019 và Sơ đồ đo đạc ngày 27/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

4. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Thị Cát L phải trả giá trị tài sản thừa kế cụ thể:

- Chị H (Cát L) trả giá trị tài sản thừa kế cho ông Đ: 81.697.500 đồng.
- Chị H (Cát L) trả giá trị tài sản thừa kế cho chị H, anh H Em, chị Tuấn A, chị Bé U, anh Duy Kh mỗi người 9.577.500 đồng và trả giá trị tài sản cho anh T

1.388.000 đồng.

5. Buộc anh Nguyễn Duy T phải trả giá trị tài sản thừa kế cụ thể:

- Anh T trả giá trị tài sản thừa kế cho ông Đ: 69.205.500 đồng.

- Anh T trả giá trị thừa kế cho chị H1, H Em, Tuấn A, Bé U, Duy Kh mỗi người mỗi người 8.189.500 đồng.

6. Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả giá trị tài sản thừa kế cho chị H1, H Em, Tuấn A, Bé U, Duy Kh mỗi người mỗi người 4.500.000 đồng.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình lập hồ sơ cấp cho ông Nguyễn Văn Đ, nền tái định cư tại lô H, nền số 27, diện tích 90m², tọa lạc tại cụm dân cư xã Tân Huề, huyện Thanh Bình.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị cát L và anh Nguyễn Duy T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án chưa thi hành án xong còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 008816 ngày 17/5/2010; số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/000383 ngày 14/01/2011; số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BM/2012/028423 ngày 18/01/2016 và số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BN/2013/14228 ngày 31/5/2017.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.958.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BN/2013/14232 ngày 06/6/2017. Như vậy chị H còn phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 6.658.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.113.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006890 ngày 08/6/2012. Như vậy, chị H1 còn phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 256.000 đồng.

- Chị Nguyễn Tuấn A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.113.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 857.000 đồng ((Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006888 ngày 08/6/2012. Như vậy, chị Tuấn A còn phải nộp thêm số tiền 256.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Cát L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.113.000 đồng.

- Anh Nguyễn Duy T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.917.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006892 ngày 08/6/2012. Như vậy, anh T còn phải nộp thêm số tiền 5.617.000 đồng.

- Anh Nguyễn Thanh H (H Em) phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.113.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006889 ngày 08/6/2012. Như vậy, anh H (H Em) còn phải nộp thêm số tiền 256.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Bé U phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.113.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006891 ngày 08/6/2012. Như vậy, chị Bé U còn phải nộp thêm số tiền 256.000 đồng.

- Anh Nguyễn Duy Kh phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.113.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2010/006887 ngày 08/6/2012. Như vậy, anh Kh còn phải nộp thêm số tiền 256.000 đồng.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Đ được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Chị H và anh H Em không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị H1 và anh H Em tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người là 300.000, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

8. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/10/2016 là 400.000 đồng do chị Nguyễn Thị Ngọc H nộp tạm ứng và chi xong; Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 13/7/2018 là 600.000 đồng, chi phí định giá tài sản ngày 16/7/2019 là 400.000 đồng, Hợp đồng đo đạc là 2.526.000 đồng, tổng cộng là 3.926.000 đồng do ông Nguyễn Văn Đ nộp tạm ứng và chi xong, nên mỗi người phải chịu số tiền 490.000 đồng. Do vậy, chi

Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Duy T, anh Nguyễn Thanh H (H Em), chị Nguyễn Thị Bé U, anh Nguyễn Duy Kh mỗi người nộp số tiền 490.000 đồng và chị H (Cát L) nộp 90.000 đồng hoàn trả cho ông Đ. mỗi người phải chịu số tiền 490.000 đồng

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng